

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;*

*Xét Văn bản số 04/2026/CV-ĐBH ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Công ty TNHH Minh Hiệp về việc chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 466/TTr-SNNMT ngày 13 tháng 6 năm 2026.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Minh Hiệp, địa chỉ tại Thôn Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng).

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư:

- Công ty TNHH Minh Hiệp được phòng Đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0800294207, đăng ký lần đầu ngày 25/02/2005, thay đổi lần thứ 12 ngày 28/4/2025.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 3948/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 chấp thuận chủ trương đầu tư và Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách và phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện dự án.

1.4. Mã số thuế: 0800294207.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: kinh doanh hạ tầng khu dân cư tập trung.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Diện tích sử dụng đất 199.852,1 m<sup>2</sup> gồm:

+ Đất nhà ở: 56.633,50 m<sup>2</sup> (gồm 6.077,80 m<sup>2</sup> đất nhà ở liền kề thương mại; 48.041,70 m<sup>2</sup> đất nhà ở liền kề; 5.514,0 m<sup>2</sup> đất nhà ở biệt thự); đất dịch vụ thương mại: 1.417,8 m<sup>2</sup>; đất công trình giáo dục (trường mầm non): 4.545,10 m<sup>2</sup>; đất công trình công cộng (nhà văn hóa): 914,6 m<sup>2</sup>; đất cây xanh - mặt nước: 28.712,0 m<sup>2</sup>; đất hạ tầng kỹ thuật: 7.765,0 m<sup>2</sup>; đất giao thông: 96.864,1 m<sup>2</sup> (gồm 90.959,1 m<sup>2</sup> đất giao thông nội bộ và 8.905,0 m<sup>2</sup> bãi đỗ xe).

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: hệ thống đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống cấp nước sinh hoạt, cấp nước chữa cháy; hệ thống cấp điện; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống cây xanh; hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm (chia làm 02 modul, mỗi modul có công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm); 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 2.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Quy mô dân số khoảng 2.320 người (theo Quyết định số 4402/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/500).

- Nhóm Dự án: Dự án có quy mô tương đương với Dự án đầu tư Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương với Dự án đầu tư Nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa

đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Công ty TNHH Minh Hiệp.**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Minh Hiệp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày....tháng..... năm 2036).

**Điều 4.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch, PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Nam Sách;
- Công ty TNHH Minh Hiệp;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Cổng Thông tin điện tử TP (để đăng tải GP);
- Lưu: VT, N.X.Thành.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Anh Quân**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND  
ngày ... tháng ... năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình sinh sống tại khu dân cư.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu thương mại dịch vụ.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ trường mầm non.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà văn hóa.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ bể gom nước thải khu dân cư Nam Khê được bơm sang bể gom cục bộ khu dân cư Đồng Khê, sau đó nước thải từ bể gom khu dân cư Đồng Khê được bơm sang hệ thống XLNT tập trung của khu dân cư Đoàn Kết (phương án xử lý theo Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 và Quyết định số 3177/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của Ủy ban nhân tỉnh Hải Dương).

### 2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh T2 Trạm bơm Chu Đậu (thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hải Dương).

#### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Kênh T2 Trạm bơm Chu Đậu thuộc xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:  $X(m) = 2321596,79$ ;  $Y(m) = 557881,47$  (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $800 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

#### 2.4. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đường ống D400, dài 40,6m, độ dốc 0,25% đầu nối vào kênh T2 - Trạm bơm Chu Đậu (thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hải Dương), sau đó chảy ra sông Thái Bình. Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Cột A, Bảng 1, QCVN

14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6-9	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ở 20°C)	mg/l	≤ 30		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 80		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 50		
5	Amoni (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) tính theo N	mg/l	≤ 4		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 25		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 4		
8	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 3.000		
9	Sulfua (S <sup>2-</sup> )	mg/l	≤ 0,2		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 10		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 3		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được thiết kế riêng biệt, độc lập với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nguồn số 01 đến nguồn số 04 → Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn tại mỗi gia đình → Đường ống HDPE D300-D400 có tổng chiều dài 3.584m, độ dốc I = 0,25% → Các hố ga lắng cặn → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nguồn số 05 → bơm chuyển bậc có công suất 310 m<sup>3</sup>/ngày.đêm từ bể gom nước thải của KDC Đồng Khê bằng đường ống HDPE D200 (áp lực) dài 150m → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

### 1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn

Tóm tắt quy trình xử lý sơ bộ:

- Nước thải từ bồn cầu, hố tiêu của nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải nhà bếp → Bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

### 1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt của dự án và nước thải các khu dân cư lân cận (sau xử lý sơ bộ) → Hệ thống thu gom → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được thu gom và lưu chứa tại bể chứa bùn của trạm xử lý nước thải. Sau đó, bùn được bơm sang máy ép bùn để tách nước, giảm thể tích. Bùn sau ép được đóng bao với quy cách khoảng 50 kg/bao và tập kết tạm thời tại khu vực máy ép bùn. Khu vực máy ép bùn và lưu chứa bao bùn được bố trí mái che, nền bê tông chống thấm. Định kỳ, bùn thải được chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định hiện hành.

- Công suất thiết kế: 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm (được chia làm 02 modul, có cùng công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm/module).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen (NaClO), cơ chất (mật rỉ đường), men vi sinh hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A của Phụ lục này.

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Niêm yết sơ đồ quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí nguồn lực để quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố

của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, trong quá trình sửa chữa khắc phục sự cố sẽ không được xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Nước thải từ các nguồn phát sinh được lưu giữ tạm thời tại bể điều hòa, thiếu khí, hiếu khí; đồng thời đơn vị quản lý vận hành trạm xử lý nước thải sẽ thông báo đến hộ dân, cơ sở hoạt động trong khu tạm ngừng/hạn chế phát sinh nước thải để khắc phục. Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, nước thải từ các bể lưu chứa được bơm lại bể gom để tiếp tục quy trình xử lý. Trường hợp sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục được ngay và các bể không còn khả năng lưu chứa thì sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

- Trường hợp sự cố lớn, có nguy cơ gây sự cố môi trường phải lập tức thông báo tới cơ quan quản lý nhà nước về môi trường để phối hợp có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng kể từ khi đủ điều kiện vận hành thử nghiệm (khoảng 50% công suất thiết kế cho mỗi modul).

- Trong giai đoạn đầu vận hành thử nghiệm, hệ thống vận hành 01 modul (modul 1) để xử lý nước thải với tải trọng tăng dần theo lưu lượng thực tế. Khi modul 1 đạt khoảng 50% công suất thiết kế và hệ vi sinh phát triển ổn định, hệ thống tiếp tục tăng tải đến khoảng 70–80% công suất.

- Khi lưu lượng nước thải tiếp tục tăng và modul 1 tiệm cận ngưỡng vận hành ổn định (khoảng 50–70% công suất), một phần lưu lượng nước thải (dự kiến khoảng 20–30%) sẽ được phân bổ sang modul 2 để bắt đầu vận hành thử nghiệm modul này.

Sau đó, hai modul được vận hành đồng thời, phân phối tải phù hợp nhằm đánh giá hiệu quả xử lý của toàn bộ hệ thống trước khi đưa vào vận hành chính thức.

### **2.2. Vị trí lấy mẫu**

- Modul 1 công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: 02 điểm (01 điểm tại bể gom và 01 điểm tại vị trí xả nước thải sau xử lý).

- Modul 2 công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: 02 điểm (01 điểm tại bể gom và 01 điểm tại vị trí xả nước thải sau xử lý).

2.3. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: tuân thủ các thông số giám sát quy định tại mục 2.6 của Phần A Phụ lục này.

## 2.4. Tần suất lấy mẫu

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, và nước thải từ khu dân cư Đồng Khê và Nam Khê bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh khu vực. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này và dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ dự án có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm thực hiện nghiêm, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 2, 5, 6, 7, 8, 11 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.6. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.7. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đấu nối nước thải vào kênh KT Trạm bơm Khuông Phụ; không xả nước thải ra môi trường khi chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND  
ngày...tháng... năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải ra môi trường**

2.1. Vị trí xả khí thải, lưu lượng xả khí thải lớn nhất, phương thức xả khí thải

- Vị trí xả thải nằm trong khu đất hạ tầng kỹ thuật của dự án, có diện tích 1.062,0 m<sup>2</sup> tại thôn Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng.

- Dòng khí thải số 01: Dòng khí thải phát sinh từ ống thải của hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải công suất 800m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tọa độ X(m) = 2321602,68; Y(m) = 557921,17

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

2.2. Lưu lượng xả khí thải ra môi trường lớn nhất: 2.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải ra môi trường: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B), như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	CH <sub>3</sub> SH	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 12		
3	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 7		
4	NH <sub>3</sub>	mg/ Nm <sup>3</sup>	≤20		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

Khí thải (mùi) phát sinh từ bể gom, bể tách mỡ, bể điều hoà, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể chứa bùn của Trạm xử lý nước thải tập trung theo các lỗ thông hơi dẫn vào đường ống thu gom uPVC D200, dài 22 m và nhờ quạt hút công suất 2.000 m<sup>3</sup>/giờ hút khí thải dẫn về hệ thống xử lý khí thải trước khi xả ra môi trường.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Đường ống dẫn khí → Tháp xử lý (hấp thụ bằng dung dịch NaOH 2%) → Quạt hút → Ống thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 2.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Thông số kỹ thuật: Đường ống thu gom (01 hệ thống: uPVC D200, tổng chiều dài 12 m); tháp xử lý (01 cái; kích thước D × H = 0,8m × 2,0m; vật liệu inox); quạt hút (01 cái; công suất 1,5kW; lưu lượng 2.000m<sup>3</sup>/giờ; áp suất 500 Pa); ống thải (01 cái; kích thước uPVC D200; dài 8m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH 2% (hoặc các vật liệu, hoá chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này).

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Công trình xử lý bụi, khí thải không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Xây dựng quy trình vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải và vận hành hệ thống theo quy trình.

+ Nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.

+ Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ hàng năm.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống, bơm, van vòi khóa, các thiết bị xử lý, quạt hút.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi bị hỏng.

- Biện pháp khắc phục:

+ Công nhân vận hành hệ thống ngắt cầu dao để các thiết bị sử dụng điện như máy bơm, quạt hút dừng hoạt động.

+ Thông báo cho phụ trách trạm xử lý, hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thay thế các chi tiết, phụ tùng bị hỏng hóc (trường hợp hỏng hóc nhẹ).

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố (trường hợp hỏng hóc nặng)

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng cùng thời điểm vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải.

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu*: Trên ống thải của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. *Tần suất lấy mẫu*: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường), cụ thể như sau: Ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty TNHH Minh Hiệp có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, (được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày...tháng... năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Phát sinh từ máy thổi khí, máy bơm tại hệ thống xử lý nước thải tập trung;

- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

#### 2. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

##### 2.1. Tiếng ồn

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian và mức ồn cho phép (dBA)		
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
Khu vực A	50	45	40
Khu vực B	55	50	45
Khu vực D	65	60	55
Khu vực E	70	65	60

QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

##### 2.2. Độ rung

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian và mức gia tốc độ rung cho phép (dB)	
	Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
Khu vực A	60	55
Khu vực B	65	60
Khu vực C	70	65
Khu vực D	75	70

QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên bảo dưỡng để đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Các thiết bị phát sinh tiếng ồn có công suất lớn, lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra động cơ, thay dầu bôi trơn, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

## Phụ lục 4

### YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND  
ngày....tháng.....năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

#### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

##### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

###### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
<b>I</b>	<b>Chất thải nguy hại</b>				
1	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	60	17 02 03	NH
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	Rắn	361	16 01 13	NH
3	Bóng đèn huỳnh quang, compact	Rắn	95	16 01 06	NH
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	50	16 01 12	NH
5	Bao bì chứa hóa chất bảo vệ thực vật, ...	Rắn	20	12 01 08	NH
6	Thuốc diệt trừ các loài gây hại thải	Rắn/lỏng	93	16 01 05	NH
7	Các loại dược phẩm gây độc tế bào thải (thuốc hết hạn, vỏ thuốc)	Rắn/lỏng	85	16 01 11	NH
<b>II</b>	<b>Chất thải kiểm soát</b>				

1	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	170	18 01 02	KS
2	Bao bì dính hóa chất tẩy rửa (bao bì mềm dính thành phần nguy hại)	Rắn	310	18 01 01	KS
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	40	18 02 01	KS
4	Hộp mực in thải (khu văn phòng)	Rắn	60	08 02 04	KS
<b>Tổng</b>			<b>1.344</b>		

### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	Bùn	102.556,8	12 06 13	TT
2	Bùn thải từ các hồ ga thu gom nước thải, nước mưa	Bùn	4.784,52	12 06 10	TT
3	Bao bì nhựa, nilon	Rắn	140	18 01 06	TT-R
4	Giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 02	TT
5	Vật liệu lọc (cát, sỏi)	Rắn	440	18 02 02	-
6	Than hoạt tính thải bỏ	Rắn	85	12 10 04	TT
<b>Tổng</b>			<b>108.056,32</b>		

### 1.3. Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh: 1.204 tấn/năm.

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

### 2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Khu vực lưu chứa: Bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 30 m<sup>2</sup> tại

lô đất hạ tầng kỹ thuật cạnh trạm xử lý nước thải. Kho chứa khép kín, có mái che và trang bị đầy đủ thiết bị PCCC, đảm bảo quy cách khu vực lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải nguy hại phải được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa riêng biệt có dán mã chất thải nguy hại của từng loại chất thải nguy hại khác nhau, tập kết về kho chứa để lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## 2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Bùn từ bể phốt, hầm cầu định kỳ nạo vét chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được lưu giữ tại bể chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## 2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại từ các hộ gia đình được lưu chứa trong các thùng rác, tập kết trước nhà và chuyển giao cho đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải sinh hoạt từ khu thương mại dịch vụ: Bố trí 01 phòng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích khoảng 3m<sup>2</sup> trong đó có bố trí các thùng chứa có màu sắc khác nhau, dung tích khoảng 120 lít/thùng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại. Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại được định kỳ hàng ngày vận chuyển bằng thang máy riêng xuống phòng tập trung chất thải rắn sinh hoạt diện tích khoảng 20 m<sup>2</sup> bố trí tại tầng trệt của mỗi công trình. Định kỳ hàng ngày, chủ đầu tư thuê nhân viên thực hiện thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo thời gian quy định.

- Chất thải rắn công kênh không thể tái sử dụng trực tiếp, cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải có trách nhiệm sắp xếp gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường để chuyển giao cho cơ sở thu gom hoặc tự vận chuyển đến nơi tiếp nhận (điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc điểm tiếp nhận, xử lý chất thải rắn công kênh); các loại chất thải rắn sinh hoạt khác được lưu chứa trong bao bì (túi) hoặc thiết bị lưu giữ (thùng) riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết loại chất thải và màu sắc của bao bì, thiết bị đựng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại theo quy định tại Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng hoặc theo quy định hiện hành của pháp luật và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

## 2.4. Bùn thải phát sinh từ hệ thống thoát nước phải được phân định và quản lý, chuyển giao theo quy định tại Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng hoặc theo quy định hiện hành của pháp luật.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Cụ thể như sau:

- Kho lưu giữ chất thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại các Điều 27, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Trang bị các vật dụng, thiết bị, vật liệu để phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải gồm bao cát, vật liệu thấm hút, thu gom hóa chất và chất thải; thùng chứa dự phòng, thiết bị bảo hộ lao động, bình chữa cháy cùng các phương tiện ứng cứu cần thiết khác. Các trang thiết bị được bố trí tại những vị trí thuận tiện, dễ tiếp cận, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng nhằm bảo đảm khả năng sẵn sàng ứng phó, xử lý kịp thời các sự cố chất thải phát sinh trong quá trình vận hành dự án, hạn chế tối đa tác động đến môi trường xung quanh.

- Thực hiện lưu giữ chất thải đúng theo thiết kế và công suất của khu vực lưu giữ, bảo đảm khối lượng và chủng loại chất thải không vượt quá khả năng lưu chứa. Chất thải được sắp xếp gọn gàng, ổn định, bảo đảm an toàn trong quá trình lưu giữ, tránh đổ vỡ, rò rỉ hoặc phát tán ra môi trường.

- Thực hiện thu gom, chuyển giao chất thải định kỳ cho các đơn vị có chức năng nhằm hạn chế tối đa thời gian tồn lưu tại khu vực lưu giữ. Đồng thời, áp dụng các biện pháp phòng ngừa phù hợp như bố trí nền lưu giữ cao hơn khu vực xung quanh, bảo đảm hệ thống thoát nước, che chắn và gia cố khu vực lưu giữ để phòng tránh nguy cơ ngập úng, cuốn trôi hoặc phát tán chất thải khi xảy ra mưa lớn, triều cường hoặc các hiện tượng thời tiết cực đoan.

- Khi xảy ra sự cố chất thải, Chủ dự án tổ chức triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp với tính chất, quy mô và mức độ của sự cố; huy động nhân lực, trang thiết bị, vật tư cần thiết để kịp thời khống chế, thu gom, xử lý chất thải phát sinh và hạn chế tối đa tác động đến môi trường. Trường hợp sự cố vượt quá khả năng ứng phó tại chỗ, Chủ dự án thực hiện thông báo cho cơ quan có thẩm quyền và phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức ứng phó theo quy định hiện hành về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

- Khi xảy ra sự cố tại khu vực lưu giữ chất thải, Chủ dự án thực hiện cô lập khu vực sự cố, áp dụng các biện pháp ngăn chặn chất thải phát tán ra môi trường; đồng thời sử dụng các vật liệu, thiết bị ứng cứu phù hợp để thu gom toàn bộ chất thải bị rò rỉ, đổ tràn. Chất thải, vật liệu thấm hút, bao bì hư hỏng và các chất thải phát sinh trong quá trình khắc phục sự cố được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời theo đúng quy định đối với từng loại chất thải và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

trường. Sau khi khắc phục sự cố, khu vực bị ảnh hưởng được vệ sinh, kiểm tra và phục hồi nhằm bảo đảm không phát sinh ô nhiễm môi trường thứ cấp.

- Bố trí nhân sự vận hành, lực lượng tham gia phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải được tập huấn, huấn luyện kỹ năng, nghiệp vụ về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định.

## **Phụ lục 5**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND  
ngày.....tháng ...năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Đảm bảo vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải và xử lý mùi phát sinh của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung trước khi xả ra môi trường theo đúng quy trình; thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý mùi, kiểm tra định kỳ, duy tu bảo dưỡng thiết bị và các biện pháp khác đảm bảo kịp thời phát hiện sự cố và ứng phó khắc phục, không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu sử dụng trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

---